

Bản án số: 119/2024

Ngày: 03/12/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Nghiệp Hồng;

2. Ông Trần Phương Tín

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dương - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Ngon- Kiểm sát viên.

Ngày 03/12/2024 tại Phòng xử A trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 104/2024/HS ngày 08/10/2024 Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/FORMTEXT 2024/QĐXXST-HS ngày 08/11/2024 đối với bị cáo:

Trần Quốc Vănsinh năm A phố H đăng ký thường trú: C đường T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định nghề nghiệp: Làm côngtrình độ văn hoá (học vấn): 10/12dân tộc: Kinhgiới tính: Namtôn giáo: Khôngquốc tịch: Việt Nam con ông Trần Ngọc Điệpbà Nguyễn Thị H, có vợ và 02 con (lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2016)tiền án: Không có tiền sự: Không cóbị tạm giữ từ ngày 13/4/2024có mặt.

Bị hại: Công ty TNHH T5; địa chỉ: A A đường N, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Hầu Vĩnh Q - là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 25/11/2024); có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Đình V; sinh năm: 1996; địa chỉ: E L, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt;

2. Ông Nguyễn Duy P; sinh năm: 1999; địa chỉ: A, ấp D, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt;

3. Ông Lê Sĩ V1; sinh năm: 1995; địa chỉ: F Đ, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt;

4. Ông Nguyễn Văn T; sinh năm: 1999; địa chỉ: Nhà không số, khu dân cư P, Phường B, Thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt;

5. Ông Trần Duy K; sinh năm: 1987; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây

Ninh; vắng mặt;

6. Ông Nguyễn Hoàng L; sinh năm: 1984; địa chỉ: D tỉnh lộ 10, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ ngày 13/4/2024, ông K1 Trí Thức là Quản lý Cửa hàng xe máy Công ty T5, địa chỉ B L, Phường A, Quận A đến Công an P2, Quận A trình báo sự việc: Vào lúc 12 giờ 30 ngày 13/4/2024, bà Nguyễn Xuân D là thư ký kiêm thủ kho của Cửa hàng xe máy Quang Phương B tiến hành kiểm tra số lượng xe tại cửa hàng thì phát hiện thiếu 03 xe mô tô (01 chiếc hiệu Vision, 02 chiếc hiệu Gear) nên bà D đã báo sự việc bị mất xe với ông K1 Trí Thức là quản lý cửa hàng. Sau đó, bà D cùng ông T1 kiểm tra sổ sách và camera của cửa hàng xe thì phát hiện Trần Quốc V2 (là nhân viên lái xe của cửa hàng, có nhiệm vụ chở xe của cửa hàng đi giao đến chi nhánh khác và khi nhập – xuất xe) đã lén lút chiếm đoạt 03 chiếc xe mô tô trên của cửa hàng vào các ngày 11, 12 và 13 tháng 4/2024.

Đến khoảng 20 giờ, ngày 13/4/2024, Trần Quốc V2 đến Công an P2, Quận A đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội như sau: Do là nhân viên lái xe của cửa hàng xe máy Quang Phương B, Trần Quốc V2 phụ trách công việc vận chuyển xe máy từ hệ thống cửa hàng xe máy Quang P1 đến các chi nhánh khác. Trong thời gian làm việc, Văn nắm được quy trình kiểm tra số lượng xe trong kho vào lúc 09 giờ 30 hàng ngày của thư ký cửa hàng (kiêm thủ kho) và sự lỏng lẻo của quản lý cửa hàng nên vào các ngày 11, 12 và 13 tháng 4/2024, V2 đã thực hiện hành vi trộm cắp xe máy từ kho của cửa hàng, cụ thể:

- Vụ thứ nhất: Vào khoảng 12 giờ ngày 11/4/2024, V2 lén lút đẩy xe máy hiệu Yamaha Gear 125 màu xám bạc, số khung MH3SEG720NJ045999, số máy E32XE0066701 (chưa qua sử dụng) từ nhà kho ra nhà xe (sau nhà kho) và nhờ Nguyễn Thanh H1 (nhân viên kỹ thuật) phụ dẫn xe máy lên thùng xe tải đang đậu. Sau đó, V2 điều khiển xe tải chở xe máy vừa lấy được đi bằng cửa sau chạy đến tiệm cầm đồ địa chỉ E L, Phường E, Quận A để cầm xe với giá 18.000.000 đồng. Tại đây, V2 gặp Trần Đình V (nhân viên của tiệm), V2 đưa ra thông tin là nhân viên của cửa hàng bán xe nên được mua trả góp do xe chưa có hồ sơ, giấy tờ về việc trả góp nên ông V không nhận cầm. V2 đưa ra lý do nhà có việc cần tiền gấp muốn mượn tiền và để xe lại làm tin, nên ông V kêu V2 viết giấy cam kết sau đó cho Văn mượn số tiền 13.500.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của V2 (số tài khoản 88198968686789 - TRAN QUOC VAN, Ngân hàng TMCP Q1); còn lại 1.500.000 đồng V giữ lại chờ V2 cung cấp giấy tờ để lập hợp đồng cầm đồ và được khấu trừ tiền lãi sau khi lập hợp đồng cầm xe. Sau khi làm việc với Cơ quan điều tra biết được xe trên là tài sản do phạm tội mà có, ông V đã tự nguyện giao nộp xe trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an P2.

- Vụ thứ hai: Vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 12/4/2024, V2 lợi dụng bà Nguyễn Xuân D nghỉ phép, V2 lén lút đẩy xe máy hiệu Honda Vision màu đỏ, số khung RLHJK0340RY306031, số máy: JK03E-2795637 (chưa qua sử dụng) từ kho ra nhà xe. Sau đó, Trần Quốc V2 lên mạng xã hội tìm thấy bài đăng thu mua xe giá cao của

Lê Sĩ V1, sử dụng số điện thoại 0774156789, Trần Quốc V2 kết bạn zalo và trao đổi thông tin vừa mới mua xe Vision màu đỏ, sản xuất năm 2024 (chưa sử dụng) với Lê Sĩ V1 với nội dung cần bán xe mới mua trả góp, nhưng hiện chưa ra giấy tờ và hóa đơn, do cần tiền nên bán gấp, khi có giấy sẽ đưa sau thì Lê Sĩ V1 ra giá mua xe là 16.000.000 đồng, Trần Quốc V2 đồng ý. Do bận việc nên Lê Sĩ V1 nói Trần Quốc V2 liên hệ với Đặng Phúc T2, số điện thoại: 0368999260 là người quen của Lê Sĩ V1 để nhận xe giúp. Trần Quốc V2 liên lạc thì T2 hẹn gặp ở A Quốc lộ A, xã B, huyện B, V2 dùng xe tải của cửa hàng chở xe máy trên đến gặp Đặng Phúc T2 và Nguyễn Duy P (đi cùng T2). Tại đây, Nguyễn Duy Phúc kiểm tra xe thì đúng như đặc điểm Trần Quốc V2 cung cấp. Nguyễn Duy P gọi điện báo lại cho Lê Sĩ V1 biết hiện xe thiếu hóa đơn để Lê Sĩ V1 biết và trao đổi với Trần Quốc V2, sau đó thống nhất trả trước 14.000.000 đồng bằng hình thức chuyển vào tài khoản số tài khoản 88198968686789 - TRAN QUOC VAN, Ngân hàng TMCP Q1 và giữ lại 2.000.000 đồng hẹn khi Trần Quốc V2 giao giấy tờ xe sẽ đưa số tiền còn lại. Ngoài ra, tại thời điểm nhận xe, P yêu cầu Trần Quốc V2 cam kết là xe không phải xe trộm cắp và có quay phim lại gửi cho Sĩ V1. Sau đó, Sĩ V1 đã chào bán chiếc xe Vision này cho Nguyễn Văn T với số tiền 18.000.000 đồng, Sĩ V1 cũng cam kết với T là xe góp chính chủ, nhưng người bán xe nợ lại giấy xe khi nào người bán có giấy sẽ đưa cho Nguyễn Văn T. Sau đó, Văn T bán xe này cho Trần Duy K ở Tây Ninh với giá 20.000.000 đồng và chuyển khoản vào tài khoản 3513456789 - Nguyen Van T4, Ngân hàng Q1. Do vậy, Văn T nhờ Đặng Phúc T2 (đang giữ chiếc xe mà Sĩ Văn vừa mua được của Trần Quốc V2) gửi xe khách cho K giúp T, khi gửi xe thì ghi trên yên xe người nhận là Khánh Tây N). Nguyễn Văn T không biết xe này là tài sản do người khác phạm tội mà có. Sau đó, K chờ khoảng 01 tuần thì kết tiền nên đã bán lại cho người không rõ lai lịch với giá 21.500.000 đồng. K không biết đây là tài sản do phạm tội mà có, Cơ quan điều tra không thu hồi được xe trên.

- Vụ thứ ba: Vào lúc 07 giờ 45 phút ngày 13/4/2024, V2 tiếp tục lên lút dẫn xe máy nhãn hiệu Yamaha GEAR 125 màu xám bạc, số khung MH3SEG720NJ045969; số máy E32XE0066672 (chưa qua sử dụng) từ kho ra nhà xe như 02 lần trước và đưa xe lên xe tải đang đậu phía sau rồi lái xe tải rời đi, sau đó V2 chụp hình xe đăng bài lên mạng xã hội thì Nguyễn Hoàng L sử dụng tài khoản Facebook tên “Nguyễn L” và số điện thoại 0899439613 liên lạc hỏi V2 để mua xe. V2 cũng đưa thông tin xe như những lần trước và cam kết xe có nguồn gốc rõ ràng, nên Nguyễn Hoàng L hẹn gặp V2 tại trước chung cư P để xem xe. Nhưng khi kiểm tra thì đề máy xe không được nên cả hai đẩy xe đến cửa hàng bán xe máy tại địa chỉ C L, Phường A, Quận A nhờ ông Nguyễn Minh H2 (nhân viên kỹ thuật của cửa hàng bán xe máy) kích bình ắc quy đề đề nổ máy xe. Nguyễn Hoàng L thống nhất mua xe với giá 10.000.000 đồng, sau đó chuyển vào tài khoản số 88198968686789 - TRAN QUOC VAN, Ngân hàng TMCP Q1 số tiền 7.000.000 đồng và đưa 3.000.000 đồng tiền mặt cho V2, sau đó Văn rời đi, L điều khiển xe chạy về nhà. V2 không nói cho L đây là tài sản do V2 phạm tội mà có. Sau khi mua xe này về, L đã bán lại cho người khác không rõ lai lịch với giá 12.000.000 đồng tại trước số A đường F, phường A, quận B. Cơ quan điều tra không thu hồi được xe trên.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐĐGTS ngày 19/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân Quận A kết luận: 03 chiếc xe máy nêu trên có giá trị như sau:

“+ 01 xe mô tô hiệu Yamaha loại GEAR màu bạc chưa qua sử dụng có số khung MH3SEG720NJ045999, số máy E32XE0066701, bị trộm vào ngày 11/4/2024 (đã thu hồi được) có giá trị 27.000.000 đồng.

+ 01 xe mô tô hiệu Honda loại Vision màu đỏ chưa qua sử dụng có số khung RLHJK0340RY306031, số máy: JK03E-2795637, bị trộm vào ngày 12/4/2024 (chưa thu hồi được) có giá trị 33.000.000 đồng.

+ 01 xe mô tô hiệu Yamaha loại GEAR màu bạc chưa qua sử dụng có số khung MH3SEG720NJ045969; số máy E32XE0066672, bị trộm vào ngày 13/4/2024 (chưa thu hồi được) có giá trị 27.000.000 đồng.

Tổng giá trị của 03 chiếc xe tại thời điểm định giá là: 87.000.000 đồng.”

Tại Cơ quan điều tra, Trần Quốc V2 khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên, số tiền bán xe có được V2 đã tiêu xài hết; khi V2 nhờ Nguyễn Thanh H1 đưa xe lên xe tải vào ngày 11/4/2024 giúp, H1 không biết V2 trộm cắp xe máy của cửa hàng. Đối với Trần Đình V, Lê Sĩ V1, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Duy P, Đặng Phúc T2 là người cầm, cho mượn tiền, kiểm tra và mua xe của Trần Quốc V2, Nguyễn Văn T mua lại xe từ Lê Sĩ V1, Trần Duy K mua lại xe từ Nguyễn Văn T đều không biết tài sản do phạm tội mà có. Lời khai nhận của các đối tượng trên phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của Trần Quốc V2.

Bản Cáo trạng số 110/CT-VKSQ11 ngày 07 tháng 10 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đã truy tố bị cáo Trần Quốc V2 tội danh “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo có lời khai phù hợp với các lời khai tại Cơ quan điều tra và những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện hợp pháp của bị hại trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường cho bị hại 02 xe chưa thu hồi được là 60.000.000 đồng, đồng thời đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 trình bày lời luận tội, đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù; đồng thời đề nghị hướng xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự như sau: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Oppo A76; tịch thu và tiêu hủy: 01 quần Jean; 01 áo thun màu trắng; 01 túi đeo chéo và 01 đôi giày nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và các tang vật thu giữ được. Do đó, có đủ cơ sở để xác định:

Từ ngày 11 đến ngày 13 tháng 4 năm 2024, tại Cửa hàng xe máy Quang Phương B, địa chỉ B L, Phường A, Quận A bị cáo Trần Quốc V2 đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 03 chiếc xe máy của Cửa hàng xe máy Quang Phương B, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 87.000.000 đồng (tám mươi bảy triệu đồng).

Bị cáo nhận thức rõ được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vì tính tư lợi, lười lao động bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã

hội, xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở để kết luận bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; lần đầu phạm tội, sau khi phạm tội bị cáo đã đầu thú, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội nhiều lần nên áp dụng tình tiết “Phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Đối với những người liên quan: Ông Trần Đình V là người cho bị cáo mượn tiền và giữ lại xe để làm tin chờ bị cáo mang giấy tờ để lập hợp đồng cầm cố, ông V không biết đây là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có, sau khi mời làm việc đã tự nguyện giao nộp lại tài sản. Các ông Nguyễn Hoàng L, Lê Sĩ V1, Nguyễn Văn T, Đặng Phúc T2, Nguyễn Duy P và Trần Duy K có liên quan đến việc mua lại xe do bị cáo Trần Quốc V2 bán nhưng không biết đây là tài sản do phạm tội mà có. Căn cứ vào những tài liệu đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, không có đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Trần Đình V, Nguyễn Hoàng L, Lê Sĩ V1, Nguyễn Văn T, Đặng Phúc T2, Nguyễn Duy P và Trần Duy K về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nên Cơ quan điều tra Công an P2 không truy cứu trách nhiệm hình sự là cơ sở.

Đối với ông Nguyễn Thanh H1, thời điểm Trần Quốc V2 trộm cắp tài sản có phụ Văn đẩy xe lên thùng xe tải vào ngày 11/4/2024 nhưng ông H1 không biết là tài sản do bị cáo trộm cắp của cửa hàng mà có, do vậy ông H1 không đồng phạm với V2 nên Cơ quan điều tra Công an P2 không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Thanh H1 là đúng quy định.

Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) cái Quần jean, màu xanh dài, đã qua sử dụng; 01 (một) áo thun màu trắng, trước và sau có chữ “DICO” nhiều màu, đã qua sử dụng; 01 (một) túi đeo chéo màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) đôi giày nam màu đen, có 3 sọc trắng bên hông, đã qua sử dụng (trang phục Văn mặc khi thực hiện hành vi phạm tội) không còn giá trị sử dụng và bị cáo không yêu cầu nhận lại nên tịch thu và tiêu hủy;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A76 màu đen đã qua sử dụng, V2 dùng để liên lạc bán xe nên tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước;

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha kiểu dáng GEAR. Đây là tài sản do bị cáo Văn trộm tại cửa hàng xe máy Quang Phương B. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an P2 đã tiến hành trả lại ngay cho cửa hàng xe máy Quang Phương B;

Về trách nhiệm dân sự:

- Người đại diện phía hợp pháp của bị hại đã nhận lại 01 xe máy Yamaha kiểu dáng GEAR, ngoài ra bị hại yêu cầu Trần Quốc V2 bồi thường cho cửa hàng 02 xe chưa thu hồi được là 60.000.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường nên ghi nhận.

- Ông Trần Đình V không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an P2, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 38, 50; điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Trần Quốc V2 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Quốc V2 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/4/2024.

Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Trần Quốc V2 bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH T6 số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng). Việc bồi thường được thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chậm thực hiện thì bị cáo phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 106 Bộ luật tố Tụng hình sự năm 2015,

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Oppo A76;
- Tịch thu và tiêu hủy: 01 quần Jean; 01 áo thun màu trắng; 01 túi đeo chéo và 01 đôi giày nam;

(Theo Lệnh nhập kho vật chứng số 888/LNK-ĐCSHS ngày 02/7/2024).

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo phải chịu là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND - VKSND TPHCM;

- Sở Tư pháp TPHCM;
- PC 27 - CA TPHCM;
- VKSND Q.11;
- Công an Q.11;
- Chi cục THADS Q.11;
- Những người tham gia tố tụng; **Trần Thị Ánh Loan**
- Lưu hồ sơ vụ án.